UBND TỈNH LAI CHÂU
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 127/TC-STP

Lai Châu, ngày 24 tháng 01 năm 2025

THÔNG CÁO BÁO CHÍ
Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Uỷ ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành trong tháng 12 năm 2024

Thực hiện quy định tại điểm c khoản 3 phần IV Điều 1 Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án "Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân", Sở Tư pháp ra Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành trong tháng 12 năm 2024, như sau:

A. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trong tháng 12 năm 2024, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu đã ban hành **13** văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

I. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Nghị quyết số 67/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 Quy định mức chi hỗ trợ kinh phí xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Nghị quyết số 68/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 Quy định mức chi phí đối với tổ chức dịch vụ chi trả chính sách trợ giúp xã hội hằng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

3. Nghị quyết số 71/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HNNĐ ngày 10/12/2021 và Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Nghị quyết số 77/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 Quy định tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.

5. Nghị quyết số 82/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 Quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trên địa bàn tỉnh Lai Châu thực hiện.

6. Nghị quyết số 83/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 Bãi bỏ Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh

quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc tỉnh Lai Châu quản lý.

7. Nghị quyết số 88/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 Quy định mức chi hỗ trợ một số nội dung trong công tác phòng, chống và kiểm soát ma tuý trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2025-2030.

II. Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quyết định số 67/2024/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 Quy định mức tỷ lệ phần trăm để tính đơn giá thuê đất, thuê đất xây dựng công trình ngầm, thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Quyết định số 68/2024/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định số 69/2024/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 Ban hành Quy định một số nội dung về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

4. Quyết định số 70/2024/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định cụ thể một số nội dung về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 42/2018/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu).

5. Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

6. Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

II. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trên cơ sở thông tin do các Sở, ngành cung cấp, Sở Tư pháp thông tin về hiệu lực thi hành, sự cần thiết, mục đích ban hành và nội dung chủ yếu của **13** văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành trong tháng 12 năm 2024 như sau:

1. Nghị quyết số 67/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 Quy định mức chi hỗ trợ kinh phí xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

1.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 67/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025.

1.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Thời gian qua, việc xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước được thực hiện theo Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ; các cấp ủy đảng, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện và đạt được kết quả tích cực: Nhận thức của các tầng lớp Nhân dân đối với việc xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước được nâng lên; 956/956 thôn, bản, tổ dân phố, khu phố trên địa bàn tỉnh đã xây dựng hương ước, quy ước; việc thực hiện hương ước, quy ước từng bước đã phát huy vai trò tự quản của cộng đồng dân cư trong việc giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường gắn với thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Bên cạnh đó việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước còn bộc lộ một số hạn chế, tồn tại như: Một số cộng đồng dân cư nhận thức chưa thực sự đầy đủ về vị trí, vai trò của hương ước, quy ước trong quản lý dân cư; nhiều hương ước, quy ước chưa đầy đủ về nội dung, chất lượng có mặt còn hạn chế; công tác hướng dẫn, tuyên truyền, theo dõi, đôn đốc, đánh giá chưa thường xuyên, có nơi hủ tục lạc hậu còn nặng nề.

Ngày 16/8/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 61/2023/NĐ-CP về xây dựng và thực hiện hương ước của cộng đồng dân cư (thay thế Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg), trong đó khoản 3 Điều 22 quy định: *"3. Căn cứ điều kiện thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách địa phương, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc hỗ trợ kinh phí xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư trên địa bàn từ nguồn ngân sách của địa phương theo quy định của pháp luật".*

Nhằm kịp thời cụ thể hóa khoản 3 Điều 22 Nghị định số 61/2023/NĐ-CP ngày 16/8/2023 của Chính phủ; nâng cao chất lượng xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước; động viên, hỗ trợ một phần kinh phí xây dựng, sửa đổi, bổ sung và thực hiện hương ước, quy ước cho cộng đồng dân cư; góp phần thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 22/12/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xoá bỏ hủ tục, phong tục, tập quán lạc hậu, xây dựng nếp sống văn minh trong nhân dân các dân tộc tỉnh Lai Châu giai đoạn 2024 - 2030. Do

đó Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ kinh phí xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh Lai Châu là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Mục đích ban hành

- Kịp thời cụ thể hoá khoản 3 Điều 22, Nghị định số 61/2023/NĐ-CP ngày 16/8/2023 của Chính phủ phù hợp với thực tế địa phương.

- Khắc phục một số tồn tại, hạn chế trong việc triển khai thực hiện hương ước, quy ước tại địa phương; động viên, khuyến khích, phát huy vai trò trách nhiệm của cá nhân, cộng đồng trong xây dựng hương ước, quy ước; khích lệ tổ chức thực hiện hương ước, quy ước hiệu quả, từng bước thay đổi nhận thức, tư duy của người dân về trách nhiệm của cá nhân, gia đình đối với cộng đồng làng, bản, tổ dân phố; từng bước đẩy lùi các hủ tục, phong tục, tập quán lạc hậu.

1.3. Nội dung chủ yếu

* Quyết định số 67/2024/NQ-HĐND gồm 4 điều.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh; Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ kinh phí cho các thôn, bản, tổ dân phố, khu phố *(sau đây gọi chung là cộng đồng dân cư)* để xây dựng và thực hiện hương ước quy, quy ước của cộng đồng dân cư trên địa bàn tinh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Thôn, bản, tổ dân phố, khu phố.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước.

Điều 2. Mức hỗ trợ kinh phí xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Điều 4. Hiện lực thi hành

2. Nghị quyết số 68/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 Quy định mức chi phí đối với tổ chức dịch vụ chi trả chính sách trợ giúp xã hội hằng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 68/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025.

2.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Thực hiện quy định tại khoản 7 Điều 3 Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Thực hiện quy định tại khoản 7 Điều 3 Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 14/02/2022 quy định về hình thức chi trả trợ giúp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh thông qua tổ chức dịch vụ chi trả và mức chi phí chi trả cho tổ chức thực hiện dịch vụ chi trả, với mức chi phí chi trả cho tổ chức thực hiện dịch vụ chi trả bằng 2,5% tổng số tiền chi trả trợ cấp thành công.

Từ năm 2022 đến nay đã chi trả cho 43.542 lượt đối tượng, với số tiền chi trả là 232,49 tỷ đồng, số tiền phí chi trả cho đơn vị dịch vụ chi trả là 5,63 tỷ đồng. Việc chi trả qua đơn vị dịch vụ chi trả đảm bảo số tiền trợ giúp xã hội đến tận tay người hưởng thụ đảm bảo an toàn, kịp thời.

Thực hiện Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 25/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy chuyển đổi số trong chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh, trong 2 năm qua, các cấp, các ngành đã triển khai tích cực, đến nay trên địa bàn tỉnh đã có 4.909 đối tượng bảo trợ xã hội đã nhận trợ giúp xã hội qua thẻ ATM, chiếm 30,68% tổng số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn (15.998 người). Tuy nhiên, tại các xã vùng sâu, vùng xa trên địa bàn tỉnh vẫn rất khó thực hiện việc chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt, vì trên địa bàn mỗi huyện chỉ có 2 đến 3 cây ATM để rút tiền ở các trung tâm huyện, các huyện Tam Đường, Nậm Nhùn chỉ có 1 cây ATM, do đó việc chi trả chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội bằng tiền mặt vẫn diễn ra trong thời gian tới.

Ngày 17/7/2024, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 50/2024/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2021/TT-BTC, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/9/2024. Theo đó, tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 50/2024/TT-BTC đã sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 7 Điều 3 Thông tư số 76/2021/TT-BTC như sau:

"7. Chi phí thực hiện công tác chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội gồm:

d) Trường hợp thực hiện chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả: Mức chi phí chi trả được xác định theo tỷ lệ % trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng bảo trợ xã hội của từng địa phương".

Nhằm kịp thời cụ thể hóa quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 Thông tư số 76/2021/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Thông tư số 50/2024/TT-BTC); đảm bảo kịp thời việc chi trả tiền trợ giúp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh đến tận tay người hưởng thụ trong thời gian nhanh nhất, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Mục đích ban hành

- Kịp thời cụ thể hoá điểm d khoản 7 Điều 3 Thông tư số 76/2021/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Thông tư số 50/2024/TT-BTC) phù hợp với điều kiện thực tế địa phương.

- Việc chi trả qua đơn vị dịch vụ chi trả đảm bảo số tiền trợ giúp xã hội đến tận tay người hưởng thụ an toàn, kịp thời, đúng thời gian yêu cầu chi trả; góp phần làm minh bạch, công khai giữa công tác quản lý nhà nước và nhiệm vụ chi trả trợ cấp hàng tháng cho đối tượng thụ hưởng.

2.3. Nội dung chủ yếu

* Quyết định số 68/2024/NQ-HĐND gồm 4 điều.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh; Nghị quyết này quy định mức chi phí đối với các tổ chức dịch vụ chi trả chính sách trợ giúp xã hội hằng thắng cho đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Đối trượng áp dụng

a) Đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội hằng tháng tại cộng đồng theo quy định tại Điều 5, Điều 8 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

b) Tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả;

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Lai Châu và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Mức chi phí đối với tổ chức dịch vụ chỉ trả và kinh phí thực hiện

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Điều 4. Hiệu lực thi hành

3. Nghị quyết số 71/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐNĐ ngày 10/12/2021 và Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 71/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025.

3.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Thực hiện quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn; Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022. Ủy ban nhân dân tỉnh trình và Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 ban hành Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025 và Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, qua rà soát, đối chiếu với quy định hiện hành, UBND tỉnh nhận thấy một số nội dung quy định chưa đồng nhất, chưa phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước, cụ thể:

- Đối với Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND: (1) Tại khoản 4 của Điều 2 Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND thiếu cụm từ "tổ chức kinh tế", không đồng nhất với nội dung tại số thứ tự 13 Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND; (2) Tại khoản 3 của Điều 4 quy định thiếu đối tượng "các đơn vị khác do cấp huyện quản lý"; (3) Tại khoản 2, Điều 6, thiếu cụm từ "tổ chức kinh tế" và khoản 3 của Điều 6 thừa cụm từ "thu từ hộ gia đình".

- Đối với Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND: Tại Điều 31 quy định "Dự phòng ngân sách của huyện, thành phố được phân bổ theo tỷ lệ 2% tổng chi thường xuyên ngân sách huyện, thành phố" là chưa phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước; Điều 22, Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; điểm d, khoản 2, Điều 22, Thông tư số 49/2024/TT-BTC ngày 16/7/2024 của Bộ Tài chính quy định "Dự phòng ngân sách địa phương bố trí

theo đúng quy định của Luật NSNN (từ 2 - 4% tổng chi cân đối ngân sách địa phương - không bao gồm số bội chi NSĐP)".

Do đó HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 và Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Mục đích ban hành

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 và Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định hiện hành và sự logic giữa phần lời và biểu Phụ lục kèm theo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; khắc phục kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

3.3. Nội dung chủ yếu

* Quyết định số 71/2024/NQ-HĐND gồm 4 điều.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 như sau:

"3. Thuế thu nhập doanh nhiệp thu từ các doanh nghiệp do cơ quan cấp huyện quản lý thu trên địa bàn các huyện, thành phố *(bao gồm cả thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ công trình thuỷ điện có công suất thiết kế từ 15 MW trở xuống) và các đơn vị khác do cơ quan cấp huyện quản lý thu";*

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 6 như sau:

"2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ tổ chức kinh tế, hộ gia đình.

3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp."

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 31 của Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể:

"Điều 31. Dự phòng ngân sách huyện, thành phố

Dự phòng ngân sách huyện, thành phố được phân bổ theo tỷ lệ 2% tổng chi cân đối ngân sách huyện, thành phố./.”

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

4. Nghị quyết số 77/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 Quy định tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.

4.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 77/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025.

4.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Theo khoản 27 Điều 79, điểm a khoản 1 Điều 126 Luật Đất đai năm 2024 quy định: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất: Đầu tư xây dựng khu đô thị có công năng phục vụ hỗn hợp, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với nhà ở theo quy định của pháp luật về xây dựng để xây dựng mới hoặc cải tạo, chỉnh trang đô thị; dự án khu dân cư nông thôn. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Căn cứ các quy định nêu trên, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Mục đích ban hành

Cụ thể hóa các quy định tại điểm a khoản 1 Điều 126 và khoản 27 Điều 79 Luật Đất đai năm 2024; tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nhằm phát huy nguồn lực đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng hiện đại, thực hiện chính sách an sinh xã hội, bảo vệ môi trường.

4.3. Nội dung chủ yếu

* Quyết định số 77/2024/NQ-HĐND gồm 4 điều.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị có công năng phục vụ hỗn hợp, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với nhà ở để xây dựng mới hoặc cải tạo, chỉnh trang đô thị và dự án khu dân cư nông thôn có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 126 Luật Đất đai năm 2024.

2. Đối tượng áp dụng: Tổ chức, cá nhân tham gia hoặc liên quan đến hoạt động thuộc phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất Dự án đầu tư có sử dụng đất

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

Điều 4. Hiệu lực thi hành

5. Nghị quyết số 82/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 Quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trên địa bàn tỉnh Lai Châu thực hiện

5.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 82/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025.

5.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Thực hiện Quyết định số 76/2013/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chế độ đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện; trên cơ sở đó Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 20/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2018 quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các huyện, thành phố thực hiện. Qua gần 6 năm thực hiện Nghị quyết, đã góp phần phát huy vai trò và hiệu quả công tác vận động, tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết trong các tầng lớp nhân dân thông qua công tác thăm hỏi, động viên kịp thời các đối tượng chính sách, cá nhân tiêu biểu; tạo được sự đồng thuận, sự tham gia tích cực vào các phong trào, các cuộc vận động do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc chủ trì và phát động, góp phần quan trọng tăng cường, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg và thay thế Quyết định số 76/2013/QĐ-TTg. Trong đó, một số nội dung chi, đối tượng thăm hỏi được mở rộng, mức chi đã được điều chỉnh tăng so với mức cũ trước đây và tại khoản 2, Điều 5 Quyết định này quy định: "Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cho từng cấp phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù theo thẩm quyền quy định tại Luật Ngân sách nhà nước".

Căn cứ các quy định nêu trên việc ban hành Nghị quyết quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trên địa bàn tỉnh Lai Châu thực hiện là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Mục đích ban hành

Nhằm cụ thể hóa mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tỉnh Lai Châu thực hiện theo Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời, là căn cứ để các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trên địa bàn tỉnh Lai Châu thực hiện theo mức chi mới.

5.3. Nội dung chủ yếu

* Quyết định số 82/2024/NQ-HĐND gồm 7 điều.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trên địa bàn tỉnh Lai Châu thực hiện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đoàn đại biểu, cá nhân đến thăm và làm việc với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trên địa bàn tỉnh, gồm các đối tượng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 2 Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chế độ chỉ đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện.

2. Các cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chế độ chỉ đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận

Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trên địa bàn tỉnh Lai Châu tặng quà chúc mừng, thăm hỏi, phúng viếng.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam các cấp trên địa bàn tỉnh Lai Châu và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

Điều 4. Nội dung và mức chi

Điều 5. Nguồn kinh phí

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Điều 7. Hiệu lực thi hành

6. Nghị quyết số 83/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 Bãi bỏ Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc tỉnh Lai Châu quản lý

6.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 83/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025.

6.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Hiện tại, giá dịch vụ khám, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu đang được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 của HĐND tỉnh. Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND được xây dựng và ban hành trên cơ sở Thông tư số 21/2023/TT-BYT ngày 17/11/2023 của Bộ Y tế quy định khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trong toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trong một số trường hợp.

Tuy nhiên, ngày 17/10/2024 Bộ Y tế ban hành Thông tư số 21/2024/TT-BYT quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, theo đó Thông tư số 21/2023/TT-BYT ngày 17/11/2023 của Bộ Y tế hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2025.

Theo quy định tại Điều 24 Luật Giá năm 2023; khoản 6 Điều 110 Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023; khoản 9 Điều 119 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; khoản 4 Điều 9 Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày

17/10/2024 của Bộ Y tế quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, UBND tỉnh đã xây dựng và trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Lai Châu quản lý dưới hình thức văn bản Hành chính và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2025 theo quy định khoản 4 Điều 147 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

Do vậy, để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống văn bản pháp luật, đồng thời với việc ban hành Nghị quyết để thực hiện nhiệm vụ được giao tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Lai Châu quản lý là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Mục đích ban hành

Việc xây dựng Nghị quyết nhằm bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh với các quy định của pháp luật hiện hành.

6.3. Nội dung chủ yếu

* Quyết định số 83/2024/NQ-HĐND gồm 2 điều.

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc tỉnh Lai Châu quản lý.

Điều 2. Điều khoản thi hành

7. Nghị quyết số 88/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 Quy định mức chi hỗ trợ một số nội dung trong công tác phòng, chống và kiểm soát ma tuý trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2025-2030.

7.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 88/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025.

7.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Trong những năm qua, tỉnh Lai Châu luôn xác định công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, thường xuyên, lâu dài, đòi hỏi phải có sự kiên trì, bền bỉ, quyết liệt, quyết tâm cao của cả hệ thống

chính trị và toàn dân. Từ 2019 đến tháng 6/2024, lực lượng đấu tranh, phòng chống tội phạm ma túy phát hiện bắt giữ 1.738 vụ, 2.061 đối tượng (tăng 838 vụ = 93,11%, tăng 982 đối tượng = 91,01% so với cùng kỳ); thu giữ 129,9kg hêrôin, 28,38kg thuốc phiện, 64,6kg ma túy tổng hợp và nhiều tài sản, tài liệu, vật chứng khác có liên quan; phát hiện, phá nhổ hơn 27.733m2 diện tích trồng cây thuốc phiện, đã bắt khởi tố 09 vụ, 09 đối tượng về hành vi trồng cây thuốc phiện; xử lý hành chính 03 vụ, 03 đối tượng về hành vi trồng cây thuốc phiện.

Tuy nhiên, tình hình trồng trái phép cây có chứa chất ma túy vẫn có những diễn biến phức tạp, nhất là khu vực vùng sâu, vùng xa; quá trình giải quyết vụ việc thường ở những khu vực đi lại khó khăn, hẻo lánh, đồi núi, cách xa khu dân cư, quá trình triệt phá, thu gom, tiêu hủy mất nhiều thời gian, công sức, chi phí (tiền xăng cho phương tiện di chuyển, lương thực, vật dụng hỗ trợ...). Tình hình tội phạm ma túy có chiều hướng ngày càng tăng, thủ đoạn ngày càng tinh vi, manh động. Quá trình đấu tranh với các loại tội phạm về ma túy, đối tượng truy nã phạm tội về ma túy, lực lượng điều tra phải sử dụng rất nhiều biện pháp đấu tranh (công khai, bí mật) đòi hỏi nguồn lực, đầu tư nghiệp vụ ngày càng cao. Trong khi đó, việc kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm, điều tra vụ án có thời hạn theo quy định của pháp luật, nên muốn đạt được hiệu quả cao nhất, cơ quan điều tra phải huy động nhiều lực lượng tiến hành xác minh, di chuyển giữa nhiều địa điểm, địa phương.

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 05/6/2024 Ban Thường vụ Tỉnh ủy về "tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2024-2030", trong đó mục 5, phần III, Nghị quyết 18-NQ/TU có nêu: "*Lãnh đạo rà soát, bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù đối với cán bộ, nhân dân trực tiếp tham gia công tác đấu tranh phòng, chống và kiểm soát ma túy. Đầu tư nguồn lực, trang thiết bị chuyên dụng cho công tác phòng, chống ma túy…".*

Tại khoản 5 Điều 39 Nghị định số 105/2021/NĐ-CP, ngày 04/12/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy quy định: "Mức hỗ trợ người được phân công giúp đỡ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định nhưng không thấp hơn 25% mức lương cơ sở".

Trên cơ sở đó, để triển khai thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy thì việc ban hành Nghị quyết quy định một số mức chi hỗ trợ trong công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh Lai Châu là cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

b) Mục đích ban hành

- Cụ thể hóa chính sách hỗ trợ kinh phí cho người không thuộc trường hợp hưởng lương từ ngân sách được phân công trực tiếp giúp đỡ người sử dụng trái phép chất ma túy đang trong thời hạn quản lý theo Điều 39 Nghị định số 105/2021/NĐ-CP, ngày 04/12/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy.

- Ban hành một số mức chi hỗ trợ đặc thù trong công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh. Tăng cường nguồn lực cho công tác củng cố lực lượng chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy, nâng cao hiệu quả quản lý tốt người nghiện, người sử dụng trái phép chất ma túy góp phần ngăn chặn, đấu tranh và từng bước đẩy lùi tệ nạn ma túy, tội phạm ma tuý ra khỏi đời sống xã hội.

7.3. Nội dung chủ yếu

* Quyết định số 88/2024/NQ-HĐND gồm 10 điều.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Mức chi hỗ trợ triệt xoá cây có chứa ma tuý

Điều 4. Mức chi hỗ trợ kinh phí cho người không thuộc trường hợp hưởng lương từ ngân sách nhà nước được phân công trực tiếp giúp đỡ người sử dụng trái phép chất ma tuý đang trong thời hạn quản lý quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống ma tuý.

Điều 5. Mức chi hỗ trợ cho cơ quan, đơn vị trực tiếp tham gia bắt giữ, khởi tố bị can phạm tội về ma tuý

Điều 6. Mức chi hỗ trợ cho cơ quan, đơn vị trực tiếp xác minh, truy bắt, vận động đầu thú đối tượng truy nã phạm tội về ma tuý do cơ quan chức năng của tỉnh Lai Châu ra quyết định

Điều 7. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, cơ quan chi trả kinh phí hỗ trợ

Điều 8. Nguồn kinh phí

Điều 9. Tổ chức thực hiện

Điều 10. Hiệu lực thi hành

8. Quyết định số 67/2024/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 Quy định mức tỷ lệ phần trăm để tính đơn giá thuê đất, thuê đất xây dựng công trình ngầm, thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

8.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 67/2024/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 30/12/2024.

8.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Ngày 30/7/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 103/2024/NĐ-CP quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (Nghị định này thay thế các Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016; Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 15/11/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong khu kinh tế, khu công nghệ cao; Nghị định số 79/2019/NĐ-CP ngày 26/10/2019 về sửa đổi Điều 16 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về thu tiền sử dụng đất), trong đó quy định việc UBND tỉnh ban hành quy định mức tỷ lệ phần trăm tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất đối với đất xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh như sau:

(1) Mức tỷ lệ % để tính đơn giá thuê đất: Tại điểm a khoản 1 Điều 26 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP quy định:*"Căn cứ vào thực tế địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất theo từng khu vực, tuyến đường tương ứng với từng mục đích sử dụng đất sau khi xin ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp."*

(2) Mức đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm: Tại điểm c khoản 2 Điều 27 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP quy định:

"2. Đơn giá thuê đất đối với đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Đất đai, được tính như sau:

a) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất được tính theo mức không quá 30% của đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm có cùng mục đích sử dụng đất.

b) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, đơn giá thuê đất được tính theo mức không quá 30% của đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

c) Căn cứ vào thực tế địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể mức đơn giá thuê đất quy định tại điểm a, điểm b khoản này sau khi xin ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp."

(3). Mức đơn giá thuê đất có mặt nước: Tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP quy định: *"3. Căn cứ vào thực tế địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể mức đơn giá thuê đất quy định tại khoản 2 Điều này sau khi xin ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp."*

(4). Tại khoản 1 Điều 44 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định trách nhiệm của cơ quan tài chính: *"Chủ trì xây dựng và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức tỷ lệ (%) cụ thể để xác định đơn giá thuê đất; mức tỷ lệ (%) để tính tiền thuê đối với đất xây dựng công trình ngầm, công trình ngầm nằm ngoài phần không gian sử dụng đất đã xác định cho người sử dụng đất, đất có mặt nước theo quy định tại Điều 26, 27 và 28 Nghị định này."*

Hiện nay, mức tỷ lệ phần trăm tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2014 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lai Châu; các căn cứ pháp lý ban hành Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh đã hết hiệu lực, được thay thế bởi Luật Đất đai 2024, Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ; ngày 09/12/2024, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết số 78/NQ-HĐND thống nhất mức tỷ lệ phần trăm để tính đơn giá thuê đất, thuê đất xây dựng công trình ngầm, thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Do vậy, việc UBND tỉnh ban hành Quyết định Quy định mức tỷ lệ phần trăm để tính đơn giá thuê đất, thuê đất xây dựng công trình ngầm, thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu thay thế Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 01/12/2014 của UBND tỉnh là cần thiết và đảm bảo theo đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 26, khoản 2 Điều 27, khoản 3 Điều 28 và khoản 1 Điều 44 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

b) Mục đích ban hành

Triển khai thực hiện Luật Đất đai năm 2024, Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ ban hành quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất mức tỷ lệ phần trăm để tính đơn giá thuê đất, thuê đất xây dựng công trình ngầm, thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu

8.3. Nội dung chủ yếu

* Quyết định số 67/2024/QĐ-UBND gồm 7 điều.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này Quy định mức tỷ lệ phần trăm để tính đơn giá thuê đất, thuê đất xây dựng công trình ngầm, thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước thực hiện việc quản lý, tính, thu tiền thuê đất.

2. Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai được Nhà nước cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, điều chỉnh quyết định cho thuê đất, điều chỉnh quy hoạch chi tiết, cho phép chuyển hình thức sử dụng đất thuộc trường hợp phải nộp tiền thuê đất.

3. Các đối tượng khác liên quan đến việc tính, thu, nộp, quản lý tiền thuê đất.

Điều 3. Mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền hàng năm không thông qua hình thức đấu giá

Điều 4. Mức đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm

Điều 5. Mức đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Điều 7. Tổ chức thực hiện

9. Quyết định số 68/2024/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

9.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 68/2024/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 05/01/2025.

9.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Lai Châu có 08 đô thị đã được phê duyệt quy hoạch chung, 03 khu vực được định hướng hình thành đô thị mới trong giai đoạn 2021-2030. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đã và đang tổ chức lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đô thị nhằm cụ thể quy hoạch chung và làm cơ sở để triển khai các dự án đầu tư. Tuy nhiên hầu hết các đồ án quy hoạch đô thị đều chưa có nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Việc đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung tại các đô thị trên địa bàn tỉnh chưa được quản lý theo quy hoạch dẫn đến một số nội dung còn chồng chéo chưa phù hợp như: hệ thống đường ống cấp nước, thoát nước thải, các đường dây cáp viễn thông, cáp điện ... hầu hết được đi độc lập trên vỉa hè của các tuyến đường do đó khi đầu tư, sửa chữa phải phá dỡ kết cấu lát vỉa hè, nền đường nhiều lần để phục vụ thi công cho các dự án hạ tầng kỹ thuật khác nhau làm ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị, lãng phí nguồn lực. Do vậy, để đảm bảo thống nhất trong công tác quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung cần thiết phải xây dựng quy định áp dụng chung đối với các đô thị trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ Khoản 1, khoản 2 Điều 23 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

+ Ban hành các văn bản quy định chi tiết về quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn theo thẩm quyền.

+ Giao nhiệm vụ cho các cơ quan chuyên môn, phân cấp trách nhiệm cho Ủy ban nhân dân các đô thị trên địa bàn.

Trên cơ sở tình hình thực tế về quản lý, xây dựng, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật trong các đô thị trên địa bàn tỉnh và quy định của pháp luật có liên quan, việc ban hành Quy định một số nội dung về quản lý, sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Lai Châu là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Mục đích ban hành

Thể chế hóa quy định của Nhà nước trong việc quy hoạch, đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh. Quy định thống nhất áp dụng và khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung trong đô thị.

9.3. Nội dung chủ yếu

* Quyết định số 68/2024/QĐ-UBND gồm 3 điều.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Điều 3. Tổ chức thực hiện

10. Quyết định số 69/2024/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 Ban hành Quy định một số nội dung về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

10.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 69/2024/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 05/01/2025.

Quyết định này thay thế các Quyết định: Số 41/2018/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Quy định về phân cấp xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 40/2021/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 41/2018/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

10.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

- Theo Nghị định số 23/2016/NĐ-CP, Chính phủ giao UBND tỉnh quy định chi tiết một số nội dung tại 3 điều, cụ thể như sau:

+ Điểm c Khoản 4 Điều 14 của Nghị định quy định: "c) Đối với nghĩa trang được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tỷ lệ đất mai táng đã đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa trang được cấp có thẩm quyền phê duyệt và hình thức quản lý quỹ đất này để phục vụ cho các đối tượng chính sách xã hội khi chết trên địa bàn, phù hợp với điều kiện của địa phương và quy mô, phạm vi phục vụ của dự án đầu tư xây dựng nghĩa trang".

+ Khoản 6 Điều 14 của Nghị định quy định: "6. Căn cứ vào các quy định hiện hành và điều kiện của địa phương Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể về đối tượng được hưởng chính sách xã hội trên địa bàn theo Điểm c Khoản 4 và quy định chi tiết việc đăng ký trước khi sử dụng phần mộ cá nhân trong nghĩa trang theo Khoản 5 của Điều này."

+ Khoản 1 Điều 31 của Nghị định quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh như sau: "1. Thống nhất tổ chức quản lý nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn; ban hành các quy định cụ thể về quản lý nghĩa trang, cơ sở hỏa táng với các nội dung cơ bản bao gồm: Quy định về quy hoạch, đầu tư xây dựng, cải tạo, đóng cửa và di chuyển nghĩa trang; quản lý và sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng; quản lý chi phí, giá dịch vụ nghĩa trang, hỏa táng; phân

công, phân cấp trách nhiệm cho cơ quan chuyên môn và phân cấp quản lý cho Ủy ban nhân dân các cấp về quản lý nghĩa trang, cơ sở hỏa táng trên địa bàn.”

Từ các lý do trên việc UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh Lai Châu là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Mục đích ban hành

Thể chế hóa quy định của Nhà nước trong việc xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh. Có quy định thống nhất áp dụng, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng, quản lý sử dụng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng nhằm góp phần thực hiện một số chính sách cho đối tượng chính sách khi chết.

10.3. Nội dung chủ yếu

* Quyết định số 69/2024/QĐ-UBND gồm 3 điều.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Điều 3. Tổ chức thực hiện

11. Quyết định số 70/2024/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định cụ thể một số nội dung về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 42/2018/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu).

11.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 70/2024/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 05/01/2025.

11.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

1. Theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020) thì không được quy định thủ tục hành chính trong quyết định của UBND tỉnh. Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 13 của Quyết định số 42/2018/QĐ-UBND có nội dung quy định về trình tự, thủ tục cấp phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị là

chưa phù hợp (nội dung trên đã được Thanh tra tỉnh chỉ ra và kiến nghị điều chỉnh tại Kết luận Thanh tra số 414/KL-TTr ngày 03/5/2024 về Chuyên đề quy hoạch và thực hiện quy hoạch xây dựng giai đoạn 2015-2022).

2. Ngày 06/10/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1182/QĐ-TTg về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Lai Châu trên cơ sở tổ chức lại Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng tỉnh Lai Châu. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Lai Châu có phạm vi quản lý chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với các khu kinh tế (bao gồm khu kinh tế cửa khẩu), khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Do vậy, cần chỉnh sửa các nội dung liên quan đến tên gọi và phạm vi quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Lai Châu để thống nhất với Quyết định số 1182/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

3. Qua rà soát các quy định về quản lý cây xanh trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 42/2018/QĐ-UBND, Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh thì hiện nay một số nội dung quy định không còn phù hợp, cần phải tham mưu, điều chỉnh để phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế tại địa phương.

Từ các căn cứ nêu trên, UBND tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định cụ thể một số nội dung về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 42/2018/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 của UBND tỉnh Lai Châu (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu) là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định nhằm sửa đổi, bổ sung phù hợp với Nghị định số 64/2010/NĐ-CP và tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

11.3. Nội dung chủ yếu

* Quyết định số 70/2024/QĐ-UBND gồm 3 điều.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định cụ thể một số nội dung về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 42/2018/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu).

Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số nội dung tại điều, khoản, điểm của Quy định cụ thể một số nội dung về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 42/2018/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu (đã được sửa đổi, bổ sung một số

điều theo Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

Điều 3. Điều khoản thi hành

12. Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

12.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 10/01/2025.

12.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Thời gian qua, UBND tỉnh thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) do HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành trong kỳ 2019-2023 trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 170 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Điều 164 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP). Theo đó, trên cơ sở rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL do UBND tỉnh ban hành, có một số văn bản QPPL do UBND tỉnh Lai Châu ban hành đã hết thời gian thực hiện hoặc đã không còn được áp dụng trên thực tế hoặc nội dung các các văn bản này không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành nhưng không có căn cứ pháp lý để xác định các văn bản này đã hết hiệu lực theo quy định của pháp luật. Về nguyên tắc, hiệu lực của các văn bản này vẫn được xác định ở trạng thái "còn hiệu lực". Do đó, để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật; đồng thời bảo đảm tuân thủ đúng quy định về hiệu lực của văn bản theo quy định của pháp luật thì việc UBND tỉnh ban hành Quyết định bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lai Châu là cần thiết.

Để triển khai thực hiện xử lý kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh trong kỳ 2019-2023, ngày 05/4/2024 Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 1204/UBND-TH. Theo đó, trên cơ sở kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL kỳ 2019-2023, UBND tỉnh ban hành Quyết định bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lai Châu, nhằm tránh tình trạng UBND tỉnh phải ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành. Trong đó bãi bỏ tổng số 65 văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

- Có 10 Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đã hết thời gian thực hiện do nội dung của các văn bản quy định thực hiện cho giai đoạn.

- Có 17 Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để triển khai thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, nhưng đến nay các nghị quyết này đã bị bãi bỏ hoặc hết hiệu lực thi hành.

- Có 02 Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để sửa đổi, bổ sung các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nhưng đến nay các quyết định được sửa đổi, bổ sung này đã bị bãi bỏ.

- Có 13 văn bản (8 Quyết định, 5 Chỉ thị) của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đến nay đã không còn đối tượng áp dụng hoặc không còn được áp dụng trên thực tiễn.

- Có 23 Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh được ban hành theo nhiệm vụ được giao tại văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên; quy định biện pháp nhằm bảo đảm thi hành văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên.... Tuy nhiên, đến nay các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên được sử dụng làm căn cứ để ban hành quyết định đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng các văn bản tương ứng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, dẫn đến nội dung tại các quyết định này không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

b) Mục đích ban hành

Việc bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật nhằm chấm dứt hiệu lực của các văn bản quy phạm pháp luật đã không còn được áp dụng trên thực tế hoặc không phù hợp với quy định của cơ quan nhà nước cấp trên nhưng chưa có căn cứ xác định hết hiệu lực theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật.

Việc xây dựng một Quyết định để bãi bỏ nhiều văn bản quy phạm pháp luật cùng do UBND tỉnh ban hành nhằm giảm bớt đầu mối cơ quan tham mưu soạn thảo văn bản bãi bỏ; giảm thời gian cho các cơ quan có liên quan trong việc phải thực hiện các quy trình, thủ tục xây dựng văn bản QPPL; giảm kinh phí xây dựng văn bản QPPL.

12.3. Nội dung chủ yếu

* Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND gồm 2 điều.

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ 65 văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, cụ thể: Các văn bản bãi bỏ được sắp xếp theo thời gian ban hành (từ văn bản ban hành trước đến văn bản ban hành sau).

Điều 2. Điều khoản thi hành

13. Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

13.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 10/01/2025.

Quyết định này thay thế Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2024 trên địa bàn tỉnh Lai Châu

13.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Luật Thuế tài nguyên ngày 25/11/2009, Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật Thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế; Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên; Thông tư số 174/2016/TT-BTC ngày 28/10/2016 về sửa đổi bổ sung điểm a, khoản 4 Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên; Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính Quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau; Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20/01/2020 của Bộ Tài chính Quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính Quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau; Thông tư số 41/2024/TT-BTC ngày 20/5/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau và Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;

- Tại khoản 4 Điều 6 Luật Thuế tài nguyên số 45/2009/QH12 của Quốc Hội ngày 25/11/2009 quy định *"Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể giá tính thuế đối với tài nguyên chưa xác định được giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên, trừ dầu thô, khí thiên nhiên, khí than và nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện";* tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên quy định *(được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật*

sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế)

"4. Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 4 như sau:

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể giá tính thuế tài nguyên khai thác quy định tại Khoản 2, Điểm b Khoản 3 Điều này. Trường hợp tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra (tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu) thì giá tính thuế tài nguyên khai thác được xác định căn cứ vào trị giá hải quan của sản phẩm đã qua sản xuất, chế biến xuất khẩu hoặc giá bán sản phẩm đã qua sản xuất, chế biến trừ thuế xuất khẩu (nếu có) và các chi phí có liên quan từ khâu sản xuất, chế biến đến khâu xuất khẩu hoặc từ khâu sản xuất, chế biến đến khâu bán tại thị trường trong nước.

Căn cứ giá tính thuế tài nguyên đã xác định để áp dụng sản lượng tính thuế đối với đơn vị tài nguyên tương ứng. Giá tính thuế đối với tài nguyên khai thác được xác định ở khâu nào thì sản lượng tính thuế tài nguyên áp dụng tại khâu đó."

- Tại điểm 5.3 khoản 5 Điều 6 và điểm a, khoản 1, Điều 13 Thông tư số 152/2015/TT-BTC *(được sửa đổi bổ sung bởi Khoản 2, Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 41/2024/TT-BTC ngày 20/5/2024 của Bộ Tài chính)* quy định:

"Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên

2. Sửa đổi khoản 5.3 Điều 6 như sau:

"Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên chậm nhất là ngày 31 tháng 12 hàng năm để công bố áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm tiếp theo liền kề.

Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên hoặc văn bản quy định điều chỉnh, bổ sung Bảng giá tính thuế tài nguyên, Sở Tài chính cung cấp thông tin và gửi văn bản về Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) để cập nhật cơ sở dữ liệu giá tính thuế tài nguyên."

3. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 13 như sau:

"1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng Bảng giá tính thuế tài nguyên áp dụng tại địa phương; Thường xuyên rà soát, điều chỉnh phù hợp với biến động của thị trường"

Hiện nay, Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Lai Châu đang thực hiện theo Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của Ủy ban

nhân dân tỉnh Lai Châu. Theo đề xuất của các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục Thuế tỉnh và UBND các huyện thành phố vào Bảng tính thuế tài nguyên năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu không có ý kiến đề xuất tăng giảm giá tính thuế tài nguyên và không bổ sung nhóm, loại tài nguyên, sản phẩm tài nguyên so với các Bảng tính thuế tài nguyên năm 2024 kèm theo Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu. Theo số liệu của Sở Xây dựng tại các Quyết định: số 38/QĐ-SXD ngày 13/4/2024 về việc công bố chỉ số giá xây dựng các tháng 1,2,3 và quý I năm 2024; số 69/QĐ-SXD ngày 14/6/2024 về việc công bố chỉ số giá xây dựng các tháng 4,5,6 và quý II năm 2024; số 110/QĐ-SXD ngày 15/10/2024 về việc công bố chỉ số giá xây dựng các tháng 7,8,9 và quý III năm 2024, đến nay đối với các loại khoáng sản không kim loại trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định, ít biến động trên thị trường.

Để việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo quy định và phù hợp tình hình thực tế tại tỉnh. Do đó UBND tỉnh Lai Châu ban hành Quyết định ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu thay thế Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu là cần thiết, tạo cơ sở pháp lý để các tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên và các cơ quan có liên quan thực hiện.

b) Mục đích ban hành

Việc xây dựng Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu đảm bảo quy định của Luật Thuế tài nguyên, Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên, phù hợp với khung giá tính thuế tài nguyên do Bộ Tài chính và phù hợp với biến động của thị trường, là cơ sở để xác định thuế tài nguyên đối với hoạt động khai thác tài nguyên phát sinh trên địa bàn tỉnh năm 2025.

13.3. Nội dung chủ yếu

* Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND gồm 5 điều.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Bảng giá tính thuế tài nguyên

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành trong tháng 12 năm 2024, Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu xin thông báo./.

Nơi nhận:
- Cục phổ biến, giáo dục pháp luật - Bộ Tư pháp;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Các sở, ban, ngành, tổ chức cấp tỉnh;
- Báo Lai Châu;
- Đài PTTH tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh (để đăng tải trên cổng thông tin điện tử tỉnh)
- UBND các huyện, thành phố;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT sở Tư pháp (đăng tải);
- Lưu: VP, PBGDPL.

GIÁM ĐỐC

Lê Thanh Hải